

Số: 3041 /QĐ-UBND

Huế, ngày 23 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của các Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực thuộc
Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Môi trường**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và
Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP
ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý
viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của
Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của
Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày
21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị
sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu
thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính
phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc thành lập các Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Khu vực thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức, sắp xếp lại các Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện;

Căn cứ Thông báo số 02-TB/ĐU ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố Huế về chủ trương về công tác tổ chức bộ máy và công tác cán bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3832/TTr-SNV ngày 21 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Các Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực (viết tắt là các Trạm) là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế thực hiện cung ứng dịch vụ công chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật theo quy định của pháp luật.

2. Trạm chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp và toàn diện của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Các Trạm có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản và trụ sở riêng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tham mưu Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa; kế hoạch sản xuất trồng trọt của địa phương; tiếp nhận, xử lý thông tin và hướng dẫn các biện pháp xử lý đối với các sinh vật gây hại được chủ tài nguyên chủ thực vật thông báo; hướng dẫn sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số trong

lĩnh vực nông nghiệp; kế hoạch phòng, chống sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật nội địa.

2. Tham mưu Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống, canh tác, kỹ thuật trồng trọt, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm cây trồng; xây dựng và tổ chức thực hiện vùng không nhiễm sinh vật gây hại tại địa phương; hướng dẫn tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, thi hành các biện pháp về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng tại địa phương.

3. Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; phát triển vùng sản xuất cây trồng, sản xuất nông sản thực phẩm an toàn tại địa phương; tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, bảo vệ và cải tạo nâng cao độ phì đất nông nghiệp, giải pháp bảo vệ, chống xói mòn, sa mạc hoá và sạt lở đất theo quy định của pháp luật; sản xuất trồng trọt giảm phát thải, sản xuất tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; trồng trọt hữu cơ; phối hợp hướng dẫn và cấp mã số vùng trồng tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công bố dịch và công bố hết dịch hại thực vật trên địa bàn theo thẩm quyền; huy động nguồn lực tại địa phương thực hiện các biện pháp chống dịch theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; tổ chức tuyên truyền, phổ biến các biện pháp chống dịch trên địa bàn; hướng dẫn khắc phục hậu quả do dịch gây ra, ổn định đời sống và khôi phục sản xuất trên địa bàn; tổng hợp báo cáo về kết quả chống dịch và thực hiện chính sách hỗ trợ chống dịch, khắc phục hậu quả do dịch gây ra, ổn định đời sống và khôi phục sản xuất.

5. Phối hợp với các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tham gia, tổ chức thực hiện:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về thực vật trên địa bàn các phường, xã;

b) Tổ chức thu thập, điều tra cơ bản, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống cây trồng;

c) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn các phường, xã;

d) Thu thập mẫu sinh vật gây hại, sinh vật là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam gửi đi phân tích, giám định;

đ) Tham gia khảo nghiệm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng; quản lý các tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng trên địa bàn trên địa bàn các phường, xã;

e) Tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mô hình thực nghiệm các quy trình kỹ thuật sản xuất trồng trọt và phòng trừ tổng hợp sinh vật gây hại cho cây trồng;

g) Xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên địa bàn các phường, xã và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

6. Hướng dẫn và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp tại các phường, xã.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất đến Chi cục Trồng Trọt và Bảo vệ thực vật, Ủy ban nhân dân các phường, xã tình hình, kết quả công tác trồng trọt, bảo vệ thực vật và các hoạt động khác có liên quan trên địa bàn các phường, xã theo quy định; tổng kết, đánh giá hoạt động trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn các phường, xã.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo các Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực có Trưởng trạm và 01 Phó Trưởng trạm.

a) Trưởng trạm là người đứng đầu và đại diện theo pháp luật của Trạm, chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trạm;

b) Phó Trưởng trạm là người giúp việc cho Trưởng trạm, chịu trách nhiệm trước Trưởng trạm và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; thay mặt Trưởng trạm giải quyết các công việc của Trạm khi Trưởng trạm vắng mặt theo sự phân công;

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và các chế độ chính sách khác đối với Trạm trưởng và Phó Trạm trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp của Sở Nông nghiệp và Môi trường về quản lý công tác tổ chức, công chức, viên chức.

2. Các Trạm thuộc Chi cục:

a) Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Khu vực 1 (phạm vi thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn các phường: Phong Điền, Phong Thái, Phong Dinh, Phong Phú, Phong Quảng và các xã: Đan Điền, Quảng Điền);

b) Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Khu vực 2 (phạm vi thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn các phường: Hóa Châu, Hương Trà, Kim Trà, Kim Long, Hương An, Phú Xuân và các xã: Bình Điền, A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3, A Lưới 4, A Lưới 5);

c) Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Khu vực 3 (phạm vi thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn các phường: Thuận An, Dương Nỗ, Mỹ Thượng, Vỹ Dạ, Thuận Hóa, An Cựu, Thủy Xuân, Thanh Thủy, Hương Thủy, Phú Bài và các xã: Phú Vinh, Phú Hồ, Phú Vang);

d) Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Khu vực 4 (phạm vi thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn các xã: Vinh Lộc, Hưng Lộc, Lộc An, Phú Lộc, Chân Mây – Lăng Cô, Long Quảng, Nam Đông, Khe Tre).

Điều 4. Số lượng người làm việc và cơ chế tài chính

1. Số lượng người làm việc:

Số lượng người làm việc hằng năm của các Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực thực hiện trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc được giao.

Hằng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chịu trách nhiệm xây dựng Đề án vị trí việc làm hoặc điều chỉnh Đề án vị trí việc làm (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Việc tuyển dụng, sử dụng, bố trí viên chức và người lao động thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định của Sở Nông nghiệp và Môi trường về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức.

2. Cơ chế tài chính:

Thực hiện cơ chế tài chính áp dụng đối với loại hình đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm: chỉ đạo rà soát, hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực theo danh mục vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung theo quy định; chỉ đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xây dựng phương án tự chủ về tài chính, gửi Sở Tài chính có ý kiến, trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định; thực hiện bố trí, sắp xếp

viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý và quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các Sở: Nội vụ, Tài chính và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định này đảm bảo quy định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Huế; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- BTV Đảng ủy UBND thành phố (b/c);
- UBND thành phố: CT và các PCT;
- UBND các xã, phường;
- VP UBND thành phố: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, NVTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương